

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang
bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 65/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 0453/TTr-SNNMT ngày 03 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các

Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường ven biển và các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

QUY ĐỊNH

Về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 054/2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung và trách nhiệm về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển nhằm bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ; giảm thiểu sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

2. Công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp; bảo đảm công khai, minh bạch, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan; bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

3. Quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển phải được lồng ghép thống nhất với chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; quy hoạch, kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, đề án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Chương II NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN

Điều 4. Hành lang bảo vệ bờ biển

1. Hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Đắk Lắk là dải đất ven biển được thiết lập ở những khu vực cần bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ; giảm thiểu sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

2. Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Đắk Lắk được thiết lập tại Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) về việc phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh và sau

khi cắm mốc được thể hiện chi tiết theo đơn vị hành chính các xã, phường và chung cho toàn tỉnh.

3. Bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển

a) Hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh, sau khi cắm mốc thể hiện trên bản đồ hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3° được thành lập chi tiết theo các xã, phường và chung cho toàn tỉnh.

b) Điểm giao nhau giữa ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển với địa giới hành chính các cấp được xác định ở thực địa và thể hiện lên bản đồ cấp tỉnh, các xã, phường.

c) Các yếu tố địa vật mà ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển chồng lấn phải được thể hiện (đo vẽ, chụp ảnh,...), thống kê, tổng hợp đầy đủ bao gồm: Công trình, đất đai, các yếu tố hành lang và địa vật liên quan; mức độ thể hiện các yếu tố địa vật trình bày rõ trong đề cương nhiệm vụ chuyên môn.

Điều 5. Mốc giới và quản lý mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển

1. Hệ thống mốc tọa độ, độ cao được xây dựng bổ sung theo quy định về đo đạc bản đồ để phục vụ thiết lập, quản lý, điều chỉnh hành lang bảo vệ bờ biển ở thực địa.

2. Cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định tại Chương IV Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển. Trường hợp ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển có thay đổi hoặc mốc hiện trạng bị hư hại thì phải tổ chức cắm lại mốc ở thực địa. Điểm giao nhau giữa ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển với địa giới hành chính các cấp phải cắm mốc. Trường hợp mốc thiết kế tại vị trí xung yếu, có nguy cơ mất ổn định và không thực hiện được như quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT thì thay đổi kết cấu mốc và phải thuyết minh cụ thể trong đề cương nhiệm vụ chuyên môn cắm mốc, điều chỉnh mốc.

Mốc giới và ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển phải được lập biên bản bàn giao tại thực địa cho Ủy ban nhân dân các xã, phường để phục vụ bảo vệ, quản lý.

3. Quản lý mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển.

a) Nghiêm cấm các hành vi dịch chuyển vị trí mốc giới trái phép, hành vi phá hoại, làm hư hỏng mốc giới.

b) Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất hàng năm và có phương án khôi phục mốc giới khi bị hư hỏng, đảm bảo đúng quy cách mốc giới và vị trí mốc giới theo hồ sơ được lưu giữ.

Điều 6. Các hoạt động bị nghiêm cấm, bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển

1. Hoạt động bị nghiêm cấm: Trong phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển cấm các hoạt động theo quy định tại Điều 24 Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13.

2. Các hoạt động bị hạn chế: Trong phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển hạn chế các hoạt động theo quy định tại Điều 25 Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo và được quy định chi tiết tại Điều 41 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Điều 7. Điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển

1. Việc điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung bởi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

2. Việc điều chỉnh bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển được tiếp tục thực hiện trong quá trình cắm mốc ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật và đảm bảo độ chính xác phù hợp với tỷ lệ bản đồ các xã, phường.

Điều 8. Cơ chế phối hợp trong quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hành lang bảo vệ biển

1. Phối hợp trong công tác lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch liên quan hành lang bảo vệ bờ biển.

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo kịp thời các thay đổi của hành lang bảo vệ bờ biển (nếu có) để các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Ủy ban nhân dân các xã, phường ven biển tổ chức cập nhật các thay đổi vào quy hoạch, kế hoạch.

b) Cơ quan thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch, kế hoạch (hoặc điều chỉnh) phải rà soát ranh giới, phạm vi; đối chiếu các đối tượng quy hoạch với các hoạt động bị nghiêm cấm, các hoạt động bị hạn chế, các nội dung liên quan tại Quy định này, lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Môi trường trước khi trình thẩm định, phê duyệt. Sau khi hoàn thành gửi bản đồ số quy hoạch, bản đồ số hiện trạng về Sở Nông nghiệp và Môi trường để phục vụ quản lý tổng hợp.

2. Phối hợp trong cắm mốc, điều chỉnh, hiệu chỉnh, bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển.

a) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển, tiếp giáp với hành lang bảo vệ bờ biển; cơ quan Nhà nước quản lý các đối tượng chuyên ngành nằm trên phần diện tích thuộc phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển và Ủy ban nhân dân các xã, phường ven biển có trách nhiệm phối hợp các nội dung liên quan trong cắm mốc, khôi phục mốc, điều chỉnh, hiệu chỉnh, bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Khi các cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại điểm a khoản này yêu cầu phối hợp trong việc bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển và xử lý các nội dung liên quan hành lang bảo vệ bờ biển, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phối hợp, cung cấp, xử lý thông tin, tổ chức giải quyết theo thẩm quyền.

Chương III

TRÁCH NHIỆM VỀ QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì quản lý hành lang bảo vệ bờ biển có trách nhiệm:

a) Tham mưu tổ chức quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật tài nguyên môi trường biển và hải đảo và quy định này.

b) Lưu giữ hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển; cung cấp tài liệu, số liệu liên quan cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

c) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

d) Tổ chức cấm mốc, điều chỉnh hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định pháp luật. Hàng năm hoặc đột xuất tiến hành rà soát, kiểm tra hiện trạng mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển và tổ chức khôi phục các mốc bị hư hỏng.

đ) Kiểm tra chuyên ngành các vi phạm trong quản lý, bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển. Chủ trì lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra tổng hợp các lĩnh vực liên quan hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh làm cơ sở để các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường phối hợp trong quản lý tổng hợp liên quan hành lang bảo vệ bờ biển và triển khai các dự án đầu tư.

e) Định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát các vấn đề liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển khi thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền về quy hoạch, cấp phép chủ trương đầu tư các dự án ven biển nhằm tránh mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột với hành lang bảo vệ bờ biển.

b) Trên cơ sở nhu cầu và đề xuất kinh phí của các cơ quan, đơn vị có liên quan và căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Sở Xây dựng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn, cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền, phù hợp theo yêu cầu quản lý hành lang bảo vệ bờ biển tại quy định này, đảm bảo quy hoạch quy hoạch đô thị và nông thôn không mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột với hành lang bảo vệ bờ biển.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc đảm bảo hài hòa lợi ích của cộng đồng dân cư và các doanh nghiệp đầu tư dịch vụ du lịch ven biển trên địa bàn; phối hợp trong quá trình lập quy hoạch, thẩm định và quản lý các hoạt động du lịch ven biển nhằm đảm bảo phát triển du lịch bền vững, phù hợp với các quy định về hành lang bảo vệ bờ biển, đồng thời bảo đảm quyền tiếp cận biển của người dân.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển gắn liền với các hoạt động du lịch ven biển, nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của doanh nghiệp, cộng đồng trong phát triển du lịch bền vững.

5. Sở Nội vụ

Thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền về địa giới đơn vị hành chính đảm bảo việc quản lý bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển được thuận lợi.

6. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan trong việc quản lý hành lang bảo vệ bờ biển bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

7. Công an tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan trong việc quản lý hành lang bảo vệ bờ biển bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

8. Các sở ban ngành: Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn và các tổ chức có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về biển, hải đảo trong việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển; trước khi bắt đầu triển khai các nhiệm vụ chuyên ngành có liên quan hành lang bảo vệ bờ biển phải thống nhất với Sở Nông nghiệp và Môi trường đảm bảo tránh mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột trong quản lý bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường ven biển

1. Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP, khoản 2 Điều 34 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP và bảo vệ hệ thống mốc tọa độ, độ cao chuyên dụng phục vụ thiết lập, điều chỉnh quản lý hành lang bảo vệ bờ biển.

2. Xử lý theo thẩm quyền, báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật quản lý hành lang bảo vệ bờ biển gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

4. Định kỳ hàng năm báo cáo về công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương mình gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo để theo dõi, tổng hợp.

Điều 11. Trách nhiệm của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động khai thác, sử dụng đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy định này.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu trong trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc, bất cập, phát sinh, cần phải sửa đổi, bổ sung; các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, phường ven biển kịp thời phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.